

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **128/2021/HN-ST**

Ngày: 31/12/2021

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyễn**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Vui**

+ Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mỹ N** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông không tham gia phiên tòa.*

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 258/2021/TLST-HN ngày 11/11/2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRƯƠNG VĂN T**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Gò T, xã Tân Đ, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **LÊ THỊ O**, sinh năm xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Gò T, xã Tân Đ, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn ngày 25/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày:* Ông và bà Lê Thị O sống chung với nhau từ tháng 9/1979 do hai bên tự nguyện và nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông bà sống hạnh phúc đến năm 1988 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay tranh cãi nhau. Ông và bà O sống ly thân nhau từ năm 1988 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên ông xin được ly hôn với bà Lê Thị O.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trương Thị Mỹ N, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có

* Bị đơn bà Lê Thị O đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà O nhưng bà O không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T và bà O tự nguyện kết hôn vào tháng 9/1979, nay ông T xin ly hôn với bà O. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn bà Lê Thị O trú tại địa chỉ: ấp Gò T, xã Tân Đ, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông Trương Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị O đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà O vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà O theo quy định tại điểm a, b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trên thực tế, ông Trương Văn T và bà Lê Thị O tự nguyện sống chung như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán từ tháng 9/1979, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo tinh thần tại điểm a khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định...”; Từ đó, Tòa án xác định hôn nhân giữa ông T và bà O là hôn nhân thực tế hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, quá trình chung sống giữa ông T và bà O đã phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau trên 30 năm nay, không còn sống chung với nhau nên ông T và bà O không còn hàn gắn tình cảm được. Ông T yêu cầu ly hôn với bà O và bà O cũng không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà O là có thật, quan hệ hôn nhân của ông T và bà O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông T yêu cầu ly hôn với bà O là có căn cứ chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trương Thị Mỹ N, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: do ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông T có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí do ông đã trên 60 tuổi. Hội đồng xét xử, xét thấy ông T là người cao tuổi nên miễn nộp án phí sơ thẩm cho ông T là phù hợp với quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn T.

Về hôn nhân: ông Trương Văn T được ly hôn với bà Lê Thị O.

Ông T và bà O được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Đức;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyễn

